

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

18. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	592.255.019	813.929.448
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.128.443.252	3.294.238.641
Các khoản tương đương tiền ^(*)	68.500.000.000	3.000.000.000
Cộng	<u>75.220.698.271</u>	<u>7.108.168.089</u>

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng có thời hạn còn lại dưới 12 tháng.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết	21.488.387.984	-	43.022.387.984	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ ⁽ⁱ⁾	18.688.387.984	-	18.688.387.984	-
Công ty Cổ phần Thể thao Vũng Tàu (tiền thân là Công ty Cổ phần Thể thao Du lịch OSC) ⁽ⁱⁱ⁾	2.800.000.000	-	2.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-	21.534.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26.878.370.900	-	5.344.370.900	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường và Công trình đô thị Vũng Tàu ^(iv)	5.344.370.900	-	5.344.370.900	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức ⁽ⁱⁱⁱ⁾	21.534.000.000	-	-	-
Cộng	48.366.758.884	-	48.366.758.884	-

(i) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ 18.688.387.984 VND, tương đương 7.103.034 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 17,76% vốn điều lệ.

(ii) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thể thao Vũng Tàu (tiền thân là Công ty Cổ phần Thể thao du lịch OSC) 2.800.000.000 VND, tương đương 280.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 35% vốn điều lệ.

(iii) Trong kỳ Công ty được trả cổ tức bằng 534.600 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 21.534.000.000 VND, tương đương 2.673.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 5,35% vốn điều lệ (tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ đầu năm là 5,35%).

(iv) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường và Công trình Đô thị Vũng Tàu 5.344.370.900 VND tương đương 515.803 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 9,55% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ		
Cổ tức được chia	7.103.034.000	4.972.123.800
Chia cổ tức	1.824.255.200	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
	Năm nay	Năm trước		
Thanh lý tài sản cố định	600.000.000	-		
Cung cấp dịch vụ	-	87.408.000		
Cung cấp dịch vụ xây lắp	237.240.000	3.243.919.000		
Công ty Cổ phần Thể thao Vũng Tàu				
Cổ tức được chia	35.000.000	-		
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Phải thu khách hàng cung cấp nước	16.492.919.665	13.065.261.404		
Phải thu khách hàng thi công, lắp đặt	2.494.725.560	2.412.720.968		
Phải thu các khách hàng khác	-	38.200.800		
Cộng	18.987.645.225	15.516.183.172		
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn				
	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Công ty Cổ phần Nước, Môi trường và Hạ tầng Kỹ thuật Sài Gòn	5.749.861.793	3.925.743.711		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TNG	4.061.640.000	4.061.640.000		
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B	3.926.962.080	-		
Công ty Cổ phần Quốc tế Sao Việt	1.588.158.330	5.797.786.500		
Công ty TNHH Xây dựng Lưu Nguyễn	1.079.474.120	8.982.879.000		
Công ty Cổ Phần Xây dựng Số 5	-	21.566.427.398		
Các nhà cung cấp khác	7.641.958.365	4.656.851.980		
Cộng	24.048.054.688	48.991.328.589		
Trong đó, số dư công nợ trả trước cho người bán liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản cuối kỳ là 14.657.705.802 VND (đầu năm là 42.462.476.609 VND).				
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Khoản cho Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức (là bên liên quan) vay với lãi suất 5,4%/ năm, thời hạn vay tối đa 12 tháng kể từ ngày giải ngân.				
6. Phải thu ngắn hạn khác				
	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	7.540.212.082	-	-	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ – Phải thu tiền cổ tức được chia	7.103.034.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức – Phải thu lãi cho vay	437.178.082	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	4.027.091.616	-	5.570.031.420	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	2.919.433.602	-	5.570.031.420	-
Tạm ứng	1.079.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	28.658.014	-	-	-
Cộng	11.567.303.698	-	5.570.031.420	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nợ xấu

Khoản nợ phải thu về công trình xây lắp của Công ty TNHH Khang Linh đã quá hạn trên 03 năm.

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	71.383.647.734	-	30.566.264.809	-
Công cụ, dụng cụ	429.687.386	-	136.737.576	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	30.489.978.898	-	7.570.759.472	-
Cộng	102.303.314.018	-	38.273.761.857	-

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	234.063.692.214	103.708.751.349	1.056.195.496.488	7.840.947.160	1.401.808.887.211
Đầu tư XDCB hoàn thành	13.362.038.466	2.949.812.287	18.537.274.283	-	34.849.125.036
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.596.776.364)	-	(2.596.776.364)
Số cuối kỳ	247.425.730.680	106.658.563.636	1.072.135.994.407	7.840.947.160	1.434.061.235.883
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	75.493.029.778	92.965.116.215	386.931.102.690	6.679.588.251	562.068.836.934
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	165.831.070.436	95.940.336.203	612.727.264.962	7.226.169.492	881.724.841.093
Khấu hao trong kỳ	7.343.359.697	1.910.202.927	38.135.774.499	268.497.262	47.657.834.385
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.002.114.436)	-	(2.002.114.436)
Số cuối kỳ	173.174.430.133	97.850.539.130	648.860.925.025	7.494.666.754	927.380.561.042
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	68.232.621.778	7.768.415.146	443.468.231.526	614.777.668	520.084.046.118
Số cuối kỳ	74.251.300.547	8.808.024.506	423.275.069.382	346.280.406	506.680.674.841
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	550.000.000	1.913.734.819	2.463.734.819
Số cuối kỳ	550.000.000	1.913.734.819	2.463.734.819
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.913.734.819	1.913.734.819
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	1.913.734.819	1.913.734.819
Số cuối kỳ	-	1.913.734.819	1.913.734.819

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	550.000.000	-	550.000.000
Số cuối kỳ	550.000.000	-	550.000.000
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	7.134.225.969	(7.134.225.969)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	97.106.282.668	81.276.003.507	(27.714.899.067)	(318.290.241)	150.349.096.867
- Công trình mở rộng nâng cấp cơ sở Nhà máy nước hồ Đá Đen thêm 125.000 m3/ ngày, đêm.	36.129.959.436	42.676.019.769	-	-	78.805.979.205
- Công trình tuyến ống D600 từ vòng xoay 3/2 đến Nguyễn An Ninh	34.036.190.556	66.078.000	-	-	34.102.268.556
- Trung tâm điều hành và quản lý chất lượng nước	896.494.028	12.932.757.911	-	-	13.829.251.939
- Công trình tuyến ống D1200-1000 từ Nhà máy hồ nước Đá Đen đến vòng xoay 51B	6.561.193.965	1.849.236.364	-	-	8.410.430.329
- Lắp đặt hệ thống PAC lỏng	2.184.772.676	-	-	-	2.184.772.676
- Nhà máy nước hồ Đá Đen	-	-	-	-	-
- Xây dựng văn phòng Xi nhiệp cấp nước Long Điền	11.313.113.410	2.161.882.294	(13.362.038.466)	(112.957.238)	-
Các công trình khác	5.984.558.597	21.590.029.169	(14.352.860.601)	(205.333.003)	13.016.394.162
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	384.784.969	-	(384.784.969)	-
Cộng	97.106.282.668	88.795.014.445	(34.849.125.036)	(703.075.210)	150.349.096.867

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Dịch vụ Lan Thanh	7.434.230.604	173.984.479
Công ty TNHH Xây dựng Tây Bắc	4.578.749.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	4.469.973.302	-
Công ty Cổ phần HAWACO miền Nam	1.810.391.000	775.582.500
Nhà máy Hoá chất Biên Hoà – Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	664.233.900	805.376.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Hòa	-	485.298.000
Các nhà cung cấp khác	14.786.351.648	2.221.446.456
Cộng	33.743.929.454	4.461.687.435

Trong đó, số dư công nợ phải trả người bán liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản cuối kỳ là 4.469.973.302 VND (đầu năm là 0 VND).

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	412.809.000	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ	412.809.000	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	12.112.024.639	10.752.162.581
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đầu tư Bà Rịa – Vũng Tàu	-	385.887.000
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Long Điền	9.463.728.000	9.463.728.000
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Xuyên Mộc	2.034.509.564	361.971.000
Các khách hàng khác	613.787.075	540.576.581
Cộng	12.524.833.639	10.752.162.581

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	1.356.640.995	(1.356.640.995)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	240.787.980	240.787.980	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.239.800.162	-	13.123.459.769	(12.267.562.188)	7.095.697.743	-
Thuế thu nhập cá nhân	674.978.745	-	4.431.113.226	(4.897.534.427)	208.557.544	-
Thuế tài nguyên	-	42.227.366	58.116.421	(7.791.584)	8.097.471	-
Tiền thuê đất	-	-	3.672.488.652	(3.672.488.652)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	10.000.000	(10.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.563.856.648	-	23.326.737.545	(23.345.910.793)	3.544.683.400	-
Cộng	10.478.635.555	283.015.346	46.219.344.588	(45.557.928.639)	10.857.036.158	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp nước 05%
- Thi công, lắp đặt 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Từ năm 2018, Công ty áp dụng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% cho thu nhập từ hoạt động sản xuất nước do đáp ứng loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa lĩnh vực môi trường.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	128.940.894.156	129.882.532.745
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.149.299.430	321.675.721
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	131.090.193.586	130.204.208.466
Thu nhập được miễn thuế	(7.138.034.000)	(6.754.123.800)
Thu nhập tính thuế	123.952.159.586	123.450.084.666
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	24.790.431.917	24.690.016.933
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(11.666.972.148)	(11.467.244.186)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	129.599.532
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	13.123.459.769	13.352.372.279

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác khai thác nước dưới mặt đất với các mức thuế suất như sau:

- Sử dụng nước dưới đất khai thác dùng vào mục đích khác 01%
- Sử dụng nước dưới đất phục vụ sản xuất 03%

Tiền thuê đất

Công ty nộp tiền thuê đất theo thông báo nộp tiền thuê đất của Cục thuế Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Mức phí nước thải sinh hoạt là 10% trên giá nước hiện hành của Công ty cung cấp nước cho các đối tượng dùng nước máy. Toàn bộ phí nước thải phải nộp vào ngân sách Nhà nước sau khi trừ chi phí cho công tác thu phí là 10% trên tổng số phí nước thải theo Quyết định số 59/2013/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Mức phí nước thải công nghiệp nộp theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Quỹ lương được xây dựng dựa trên đơn giá tiền lương 2.000 VND/m³ nước thương phẩm theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 03-2017/BBH-HDQT ngày 08 tháng 7 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí nước thô	4.550.196.600	8.209.167.300
Trích trước chi phí công trình	211.596.273	1.004.000
Trích Quỹ Bảo vệ và Phát triển Môi trường rừng	779.291.812	720.300.568
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	9.094.999
Cộng	<u>5.541.084.685</u>	<u>8.939.566.867</u>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	3.610.000	31.860.600
Cô tức phải trả	72.000.000.000	-
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.098.913.975	-
Phí nước thải được hưởng	1.638.657.702	2.900.676.931
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	61.322.825	5.000.000
Cộng	<u>74.802.504.502</u>	<u>2.937.537.531</u>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay

18a. Vay ngắn hạn

Khoản vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu (xem thuyết minh số V.18b).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh của khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	4.403.437.889	4.088.906.613
Số tiền vay phát sinh	36.197.939.349	-
Số tiền vay đã trả	(36.197.939.349)	-
Số kết chuyển từ vay dài hạn	157.265.638	157.265.638
Số cuối kỳ	<u>4.560.703.527</u>	<u>4.246.172.251</u>

18b. Vay dài hạn

Khoản vay không có thế chấp Ngân hàng Phát triển Việt Nam (trước đây là Quỹ hỗ trợ phát triển Việt Nam) 9.593.203.943 VND để thực hiện thanh toán phí tư vấn trong nước của dự án Hệ thống cấp nước Hồ Đá Đen giai đoạn I. Khoản vay này là một phần trong thỏa thuận vay giữa Quỹ hợp tác kinh tế hải ngoại Nhật Bản và Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã được ký kết ngày 30 tháng 3 năm 1998 cho Dự án cấp nước miền Nam Việt Nam (thuộc tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu). Theo thỏa thuận này, thời gian hoàn vốn vay là 30 năm kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2008, mỗi năm trả làm 2 đợt vào ngày 20 tháng 3 và 20 tháng 9. Hiện nay, Công ty không nhận được thông báo lịch thu nợ cụ thể cũng như thông báo số dư nợ từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam cũng như từ Bộ Tài chính.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán của khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	4.560.703.527	4.403.437.889
Trên 01 năm đến 05 năm	1.258.125.104	1.258.125.104
Trên 05 năm	3.774.375.312	3.931.640.950
Tổng nợ	9.593.203.943	9.593.203.943

Chi tiết số phát sinh của khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.189.766.054	5.504.297.330
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(157.265.638)	(157.265.638)
Số cuối kỳ	5.032.500.416	5.347.031.692

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	18.266.552.046	11.981.028.243
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	12.000.000.000	6.000.000.000
Chi quỹ	(22.813.427.853)	(13.379.785.130)
Số cuối kỳ	7.453.124.193	4.601.243.113

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	800.000.000.000	22.515.024.048	136.566.373	822.651.590.421
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	116.530.160.466	116.530.160.466
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	800.000.000.000	22.515.024.048	110.666.726.839	933.181.750.887
Số dư đầu năm nay	900.000.000.000	23.223.137.842	37.165.042.590	960.388.180.432
Lợi nhuận trong kỳ nay	-	-	115.817.434.387	115.817.434.387
Trích lập các quỹ trong kỳ nay	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Chia cổ tức trong kỳ nay	-	-	(108.000.000.000)	(108.000.000.000)
Số dư cuối kỳ này	900.000.000.000	23.223.137.842	32.982.476.977	956.205.614.819

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	326.228.430.000	326.228.430.000
Tỉnh ủy Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	94.606.210.000	94.606.210.000
Các cổ đông khác	479.165.360.000	479.165.360.000
Cộng	900.000.000.000	900.000.000.000

20c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 4 năm 2021 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích trong năm trước	Số trích trong kỳ này
• Chia cổ tức bằng tiền mặt (12% mệnh giá)	100.000.000.000	64.000.000.000	36.000.000.000
• Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông	77.520.000.000	77.520.000.000	-
• Trích Quỹ đầu tư phát triển (10% Lợi nhuận sau thuế năm 2020)	23.188.113.794	23.188.113.794	-
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (13% Lợi nhuận sau thuế năm 2020)	30.144.547.933	30.144.547.933	-

Ngoài ra, Công ty cũng tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2021 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2021/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 6 năm 2021 với tỷ lệ 8% mệnh giá. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 16 tháng 7 năm 2021 và ngày thanh toán là ngày 28 tháng 7 năm 2021.

Công ty cũng tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 12.000.000.000 VND dựa trên kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp nước thành phẩm	339.054.765.358	332.394.287.132
Doanh thu hoạt động thi công, lắp đặt	2.983.041.997	11.174.549.470
Doanh thu cung cấp dịch vụ	990.000.000	990.000.000
Doanh thu khác	600	87.408.000
Cộng	343.027.807.955	344.646.244.602

Trong kỳ, doanh thu nội bộ của Xí nghiệp Xây lắp cung cấp cho Công ty là 11.527.344.769 VND (cùng kỳ năm trước là 21.053.171.232 VND).

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty chỉ phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ vận hành cho Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức là bên liên quan với số tiền là 990.000.000 VND (kỳ trước là 990.000.000 VND).

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	169.589.668.934	170.712.187.613
Giá vốn của hoạt động thi công, lắp đặt	2.532.909.523	10.236.359.986
Giá vốn của cung cấp dịch vụ	93.286.200	173.742.064
Cộng	172.215.864.657	181.122.289.663

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	14.214.345	9.656.373
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.740.732.767	7.995.376.143
Lãi tiền cho vay	607.439.193	119.291.668
Cô tức được chia	7.138.034.000	6.754.123.800
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	407.474.625
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	97.660.080
Cộng	13.500.420.305	15.383.582.689

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	68.792.934.469	67.405.037.187
Chi phí nhân công	71.546.085.937	70.048.650.479
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.657.834.385	46.578.875.349
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.339.580.231	31.732.478.282
Chi phí khác	17.044.262.351	13.352.015.521
Cộng	248.380.697.373	229.117.056.818

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Theo Công văn số 11768/UBND-VP ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng giai đoạn 2011 – 2015 thông qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển Môi trường rừng tỉnh và tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng giai đoạn này phải được hạch toán vào chi phí sản xuất của Công ty tại năm chi trả. Hiện tại, Công ty chưa nhận được thông báo cụ thể về số tiền phải nộp của giai đoạn này nên Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nợ vào Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Ông Đinh Chí Đức – Chủ tịch	955.705.000	917.205.000
Ông Nguyễn Lương Điền – Phó Chủ tịch	126.000.000	126.000.000
Ông Võ Văn Bình – Thành viên	108.000.000	108.000.000
Bà Lê Minh Đức – Thành viên	719.402.000	714.689.000
Ông Nguyễn Tiến Lạng – Thành viên	108.000.000	108.000.000
Ông Nguyễn Cảnh Tùng – Thành viên	108.000.000	108.000.000
Ông Nguyễn Quốc Huy – Thành viên	108.000.000	108.000.000
Ông Phạm Tấn Luận – Thành viên	108.000.000	108.000.000
Bà Võ Thị Nhã – Thành viên	293.291.000	-
Các thành viên Ban kiểm soát		
Bà Nguyễn Thị Hạnh – Trưởng ban	98.000.000	96.000.000
Bà Nguyễn Thị Hoàng Ngọc – Thành viên	92.000.000	90.000.000
Bà Nguyễn Thị Nhung – Thành viên	21.000.000	90.000.000
Bà Nguyễn Ý Minh – Thành viên	71.000.000	-
Các thành viên Ban Điều hành, Quản lý		
Ông Nguyễn Lương Điền – Tổng Giám đốc	808.716.000	771.422.000
Ông Nguyễn Tiến Lạng – Phó Tổng Giám đốc	766.579.000	741.739.000
Ông Nguyễn Cảnh Tùng – Phó Tổng Giám đốc	766.579.000	741.739.000
Ông Nguyễn Quốc Huy – Kế toán trưởng	719.229.000	706.187.000
Cộng	5.977.501.000	5.534.981.000

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thể thao Vũng Tàu (tiền thân là Công ty Cổ phần Thể thao du lịch OSC)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	Các thành viên chủ chốt và cá nhân có liên quan với thành viên chủ chốt của Công ty là thành viên chủ chốt của Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác là Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức như sau.

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức được chia	-	1.782.000.000
Chi cho vay	70.000.000.000	-
Lãi cho vay	607.439.193	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.5, V.6 và V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước (chiếm 98,84% doanh thu toàn Công ty) và được thực hiện ở khu vực Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Công ty cho công ty bên liên quan vay tiền. Đơn vị này có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn		Cộng
			hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/ hoặc bị giảm giá	
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.220.698.271	-	-	-	75.220.698.271
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	140.635.000.000	-	-	-	140.635.000.000
Phải thu khách hàng	18.024.681.225	-	-	962.964.000	18.987.645.225
Các khoản cho vay	50.000.000.000	-	-	-	50.000.000.000
Các khoản phải thu khác	10.488.303.698	-	-	-	10.488.303.698
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	26.878.370.900	-	-	-	26.878.370.900
Cộng	321.247.054.094	-	-	962.964.000	322.210.018.094
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.108.168.089	-	-	-	7.108.168.089
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	273.615.000.000	-	-	-	273.615.000.000
Phải thu khách hàng	14.553.219.172	-	-	962.964.000	15.516.183.172
Các khoản phải thu khác	5.570.031.420	-	-	-	5.570.031.420
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.344.370.900	-	-	-	5.344.370.900
Cộng	306.190.789.581	-	-	962.964.000	307.153.753.581

Thời gian quá hạn của Phải thu khách hàng đã quá hạn là trên 03 năm.

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
	Số cuối kỳ			
Phải trả người bán	33.743.929.454	-	-	33.743.929.454
Vay và nợ	4.560.703.527	1.258.125.104	3.774.375.312	9.593.203.943
Các khoản phải trả khác	80.339.979.187	-	-	80.339.979.187
Cộng	118.644.612.168	1.258.125.104	3.774.375.312	123.677.112.584

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số đầu năm				
Phải trả người bán	4.461.687.435	-	-	4.461.687.435
Vay và nợ	4.403.437.889	1.258.125.104	3.931.640.950	9.593.203.943
Các khoản phải trả khác	11.845.243.798	-	-	11.845.243.798
Cộng	20.710.369.122	1.258.125.104	3.931.640.950	25.900.135.176

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty chỉ có rủi ro giá nguyên vật liệu.

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

4d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2021.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**Tài sản tài chính**

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.220.698.271	-	7.108.168.089	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	140.635.000.000	-	273.615.000.000	-
Phải thu khách hàng	18.987.645.225	(962.964.000)	15.516.183.172	(962.964.000)
Các khoản cho vay	50.000.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu khác	10.488.303.698	-	5.570.031.420	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	26.878.370.900	-	5.344.370.900	-
Cộng	322.210.018.094	(962.964.000)	307.153.753.581	(962.964.000)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	33.743.929.454	4.461.687.435
Vay và nợ	9.593.203.943	9.593.203.943
Các khoản phải trả khác	80.339.979.187	11.845.243.798
Cộng	123.677.112.584	25.900.135.176

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 10 tháng 8 năm 2021



Nguyễn Thị Nhung
Người lập biểu



Nguyễn Quốc Huy
Kế toán trưởng



Nguyễn Lương Điền
Tổng Giám đốc